

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2021

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Tô.

Ông Võ Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số Q đường TĐT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Anh Th**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* **Ông Triệu T**, sinh năm 1956; Địa chỉ: N Claremont Ave, thành phố C, IL, USA (Hoa Kỳ). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh Th trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Th) và ông Triệu T quen biết nhau vào năm 2017 thông qua mạng xã hội. Sau thời gian liên lạc và tìm hiểu thì đến năm 2018, ông T từ Hoa Kỳ về Việt Nam tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam; được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống chung khoảng 03 tuần thì ông T trở về lại Hoa Kỳ. Do hoàn cảnh mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Triệu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu ông T trả lời các vấn đề cần thiết liên quan đến việc bà Th xin ly hôn với ông. Ngày 13/12/2021, Tòa án nhận được thư trả lời của ông T, có nội dung: Ông đã nhận được các tài liệu trong hồ sơ ly hôn do Tòa án gửi. Ông T đồng ý ly hôn với bà Th vì giữa ông và bà Th sống xa cách nhau, không còn tình cảm vợ chồng; về con chung; về tài sản chung và nợ chung ông T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì lý do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ông không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng được nên ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều từ 93 đến 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Anh Th được ly hôn với ông Triệu T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Anh Th có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Triệu T (Quốc tịch Hoa Kỳ) nên quan hệ

pháp luật được xác định là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Anh Th và ông Triệu T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của bà Th, ông T về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Anh Th và ông Triệu T theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Anh Th và ông Triệu T kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông T trở về Hoa Kỳ từ năm 2018 đến nay. Bà Th và ông T đều cho rằng do hoàn cảnh mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét trong điều kiện hiện nay, bà Th và ông T mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên việc vợ chồng đoàn tụ để sống hạnh phúc là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Anh Th được ly hôn với ông Triệu T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh Th và ông Triệu T đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Anh Th được ly hôn với ông Triệu T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh Th và ông Triệu T đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Anh Th phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0000009 ngày 12/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế); bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Anh Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày và ông Triệu T đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú